

Số: /TTr-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

(Dự thảo 2.2)

TỜ TRÌNH**Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Tòa án nhân dân tối cao đã nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*”. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là Luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**1. Thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách tư pháp**

Các chủ trương, chính sách lớn của Đảng về cải cách tư pháp, về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án được thể hiện trong nhiều nghị quyết, văn kiện, trong đó có thể kể đến các văn kiện sau đây:

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW).

Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ “*Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”, với các giải pháp “*Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.*”; “*Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; kết hợp các phương thức phi tố tụng tư pháp với các phương thức tố tụng tư pháp*”; “*Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại tòa án*”; “*Hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp tòa án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội*

thẩm khi xét xử. Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng tòa án điện tử.”; “Xác định thẩm quyền của tòa án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của tòa án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu làm rõ thẩm quyền hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên tòa, những trường hợp tòa án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử.”; “Quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp; của cơ quan tư pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, quyền lập pháp.”

Những chủ trương, định hướng lớn nêu trên của Đảng đã đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới cần phải được thể chế hóa thành luật thông qua việc đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và tổ chức thực hiện trên thực tế.

2. Khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2015. Sau 08 năm thi hành, hệ thống Tòa án đã được kiện toàn, phát triển cả về tổ chức và hoạt động¹; Đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất lượng²; Chất lượng xét xử, giải quyết các vụ việc được bảo đảm, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán ngày càng giảm, đáp ứng chỉ tiêu, yêu cầu của Quốc hội³. Công tác xây dựng pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử được thực hiện một cách hiệu quả, tạo điều kiện cho Tòa án các cấp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.⁴ Cơ sở vật chất của các Tòa án đã có bước cải thiện đáng kể góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu và nhiệm vụ chính trị đặt ra đối với công tác Tòa án. Bên cạnh đó, chúng ta đã xây dựng được đội ngũ Hội thẩm đông đảo⁵; hoạt động của Hội thẩm ngày càng nê nếp, đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 cho thấy còn tồn tại những hạn chế, bất cập như: Nhận thức về vị trí, vai trò của Tòa án là “*cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp*” chưa thực sự phù hợp, thống nhất dẫn tới việc xác định chưa đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án; Các Tòa án về cơ bản chưa được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử; Quy định Thẩm phán có

¹ Đã hình thành được hệ thống Tòa án gồm Tòa án nhân dân tối cao, 03 Tòa án nhân dân cấp cao, 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 702 Tòa án nhân dân cấp huyện. Tổ chức được 17 Tòa chuyên trách tại 03 Tòa án nhân dân cấp cao, 247 Tòa chuyên trách tại 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 69/702 Tòa án nhân dân cấp huyện có 02 Tòa chuyên trách (gồm Tòa Hình sự và Tòa Dân sự); 01/702 Tòa án nhân dân cấp huyện có 05 Tòa chuyên trách (TAND TP. Thủ Đức-TP. HCM)

² Gồm 13.306 người trên tổng số 15.237 biên chế được giao, trong đó có 16 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 6.493 Thẩm phán, 6.568 Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án, 270 chức danh khác.

³ Trung bình mỗi năm có khoảng 1,22% các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

⁴ Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì xây dựng, soạn thảo và trình Quốc hội thông qua 04 dự án Luật, 01 Nghị quyết; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua 02 dự án Pháp lệnh. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng, ban hành 39 Nghị quyết; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành 14 Thông tư (Phụ lục 02); phối hợp với các Bộ, ngành ban hành 24 Thông tư liên tịch; ban hành được 56 án lệ, trong đó có 11 án lệ về hình sự, 31 án lệ về dân sự, hôn nhân và gia đình, 10 án lệ về kinh doanh thương mại, 03 án lệ về hành chính và 01 án lệ về lao động; ban hành 08 Giải đáp và 04 thông báo giải đáp về các vấn đề vướng mắc về hình sự, hành chính, dân sự trong thực tiễn xét xử.

⁵ Hiện cả nước có 17.299 Hội thẩm, trong đó có 16.913 Hội thẩm nhân dân và 386 Hội thẩm quân nhân

các ngạch sơ cấp, trung cấp, cao cấp gây khó khăn trong việc phân bổ biên chế, điều động, luân chuyển, biệt phái Thẩm phán; Quy trình bổ nhiệm, tái nhiệm Thẩm phán chưa thực sự bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán; Chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia chưa thực sự phù hợp dẫn đến ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động; Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với các chức danh tư pháp chưa tương xứng với tính chất nghề nghiệp, chế độ trách nhiệm pháp lý; chưa có thiết chế và cơ chế pháp lý đầy đủ để xây dựng và triển khai Tòa án điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn; Chưa có cơ chế hiệu quả bảo vệ cho các Thẩm phán; Cơ chế phân bổ, phê duyệt ngân sách cho Tòa án còn bất cập.

Những vướng mắc, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Tòa án nêu trên đã ảnh hưởng đến việc xây dựng Tòa án chuyên nghiệp, hiện đại; cần phải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung theo chủ trương cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của Tòa án, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới, bắt kịp với các nền tư pháp tiên bộ trên thế giới.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Cải cách tư pháp mà nội dung cốt lõi là đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án là đòi hỏi tất yếu, trở thành xu thế toàn cầu, diễn ra liên tục và phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà ở tất cả các quốc gia. Trước tình hình hội nhập quốc tế sâu rộng, khoa học công nghệ không ngừng phát triển, khối lượng công việc tăng lên cùng với sự gia tăng của quy mô dân số, quy mô nền kinh tế, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án đang là đòi hỏi cấp thiết để Tòa án nước ta phát triển tiệm cận tới trình độ chung của thế giới.

Như vậy, xuất phát từ thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; thực hiện Nghị quyết của Đảng và tham khảo kinh nghiệm quốc tế việc đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân. Xây dựng hệ thống Tòa án nhân dân chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hoàn thành trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Việc xây dựng Luật được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo sau đây:

(1) Thể chế hoá các chủ trương, đường lối, chính sách trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng về cải cách tư pháp.

(2) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bảo đảm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp.

(3) Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ và đặc thù hoạt động của từng Tòa án; bảo đảm tính độc

lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử; đảm bảo Tòa án hoạt động công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; cải cách chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

(4) Kế thừa những quy định còn phù hợp, sửa đổi những quy định không còn phù hợp; bổ sung những vấn đề mới nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

(5) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với tổ chức và hoạt động của Tòa án.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Phương án 1:

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Tòa án; Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia; Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, bảo đảm hoạt động của Tòa án.

Phương án 2:

Không quy định chế độ Hội thẩm trong luật này mà sẽ quy định cụ thể trong Luật Hội thẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Chính sách 1 - Hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Tòa án

1.1. Mục tiêu của chính sách

Thể chế hóa, cụ thể hóa đầy đủ, đúng đắn các nghị quyết của Đảng, quy định của Hiến pháp về vị trí, vai trò, chức năng của Tòa án là “*cơ quan xét xử*”, “*thực hiện quyền tư pháp*”. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án và hình thành cơ sở pháp lý để các Tòa án thực hiện đúng nội hàm “*quyền tư pháp*”.

1.2. Nội dung của chính sách

Quy định đầy đủ, cụ thể trong Luật nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án. Mở rộng thẩm quyền của Tòa án trong xét xử các vi phạm hành chính; quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân; xem xét, quyết định văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định của luật.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách

1.3.1. Bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân:

a) Xem xét, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật;

b) Xét xử các vi phạm hành chính theo quy định của luật;

c) Xem xét, quyết định văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của luật;

d) Xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1.3.2. Sửa đổi nguyên tắc tổ chức của Tòa án nhân dân, nguyên tắc bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, quy định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.3.3. Về thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại Tòa án.

Phương án 1: Bổ quy định Tòa án có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại phiên tòa.

Việc ra quyết định khởi tố vụ án thuộc chức năng của cơ quan điều tra, công tố. Tòa án là cơ quan xét xử nhưng ra quyết định khởi tố vụ án hình sự sẽ ảnh hưởng đến tính khách quan trong quá trình xét xử vụ án đó.

Phương án 2: Giữ nguyên như hiện hành.

1.3.4. Về thẩm quyền thu thập chứng cứ của Tòa án

Phương án 1: Bổ quy định về thẩm quyền thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự; quy định thẩm quyền thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính, vụ việc dân sự theo hướng Tòa án có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải thu thập chứng cứ; nghĩa vụ thu thập và cung cấp chứng cứ thuộc về đương sự; Tòa án có thẩm quyền hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ khi xét thấy cần thiết.

Phương án 2: Bổ quy định về thẩm quyền thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự.

Về bản chất, tranh tụng là việc các bên đưa ra chứng cứ và lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Tòa án đóng vai trò là trọng tài phân xử trên cơ sở chứng cứ mà các bên đưa ra. Để tăng cường tranh tụng trong xét xử, cần xác định trách nhiệm thu thập chứng cứ thuộc về Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra trong vụ án hình sự; các bên trong vụ án hành chính, vụ việc dân sự. Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính.

1.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

- Thể chế hoá nhiệm vụ “*Xác định thẩm quyền của tòa án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của tòa án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân*”; “*Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá*” được đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Khắc phục bất cập của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 chưa quy định đầy đủ nội hàm của quyền tư pháp.

- Bảo đảm tính độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử.
- Góp phần bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Chính sách 2 - Hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân

2.1. Mục tiêu của chính sách

Hoàn thiện tổ chức bộ máy Tòa án tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tuân thủ nguyên tắc các Tòa án được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử; mô hình, quy mô, tổ chức bộ máy phải phù hợp với khối lượng công việc và đặc thù hoạt động của từng cấp Tòa án; tăng cường tính độc lập giữa các cấp Tòa án; các vụ án đặc thù phải được xét xử tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

2.2. Nội dung của chính sách

- Tổ chức Tòa án độc lập theo thẩm quyền xét xử.
- Thành lập các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.
- Bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số Tòa án.
- Kiện toàn, tổ chức lại Tòa chuyên trách, bộ máy giúp việc, đơn vị sự nghiệp.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách

(1) Đối với Tòa án nhân dân tối cao

Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy giúp việc. Sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập Học viện Tòa án, Báo Công lý và Tạp chí Tòa án nhân dân theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Đối với Tòa án nhân dân cấp cao

- Tên gọi, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ bản giữ nguyên như hiện tại;
- Bổ sung quy định về việc thành lập các Tòa chuyên trách về Sở hữu trí tuệ; Tòa chuyên trách về Phá sản (trước mắt chỉ thành lập Tòa chuyên trách về Phá sản ở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và tại Hồ Chí Minh và Tòa chuyên trách về Sở hữu trí tuệ ở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp cao theo hướng phù hợp với thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân phúc thẩm và Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt theo địa hạt tố tụng.

(3) Đối với Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phương án 1: Đổi tên thành Tòa án nhân dân phúc thẩm (Ví dụ: Tòa án nhân dân phúc thẩm Hải Phòng). Về cơ cấu tổ chức được giữ nguyên như quy định hiện hành của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân phúc thẩm theo hướng chuyên thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm đối với các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp tỉnh trở lên; chuyển thẩm quyền giải quyết các vụ việc thuộc các lĩnh vực đặc thù về sở hữu trí tuệ, phá sản sang cho Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

Phương án 2: Giữ nguyên tên gọi, cơ cấu tổ chức như hiện hành. Về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi như Phương án 1.

(4) Đối với Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

- Đổi tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thành Tòa án nhân dân sơ thẩm (Ví dụ: Tòa án nhân dân sơ thẩm Hoàn Kiếm).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân sơ thẩm theo hướng: Tòa án nhân dân sơ thẩm có nhiệm vụ giải quyết, xét xử sơ thẩm các vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/Tòa án nhân dân phúc thẩm và Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

(5) Thành lập Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt

- Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt được tổ chức theo địa hạt pháp lý nhiều tỉnh, thành phố tùy thuộc vào khối lượng công việc của mỗi loại vụ việc, gồm: Tòa án nhân dân sơ thẩm Sở hữu trí tuệ, Tòa án nhân dân sơ thẩm Hành chính, Tòa án nhân dân Phá sản. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Trước mắt, thành lập 01 Tòa án nhân dân sơ thẩm Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội, 02 Tòa án nhân dân Phá sản tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với việc thành lập Tòa án nhân dân sơ thẩm Hành chính, Tòa án nhân dân tối cao sẽ căn cứ vào số lượng vụ án hành chính tại các đơn vị hành chính để xem xét, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập.

- Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử ở Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt là những chuyên gia, người có chuyên môn về lĩnh vực tương ứng, do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt có trụ sở bầu theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Chánh án Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt sau khi thống nhất ý kiến với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi Tòa án có trụ sở đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm.

- Bổ sung quy định Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt có chức năng, nhiệm vụ xét xử sơ thẩm các loại vụ việc đặc thù theo từng lĩnh vực (sở hữu trí tuệ, hành chính, phá sản). Chánh án Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt chịu trách nhiệm báo cáo công tác của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt với Tòa án nhân dân tối cao.

(6) Đối với Tòa án quân sự

Bổ sung nhiệm vụ xét xử các vụ án hành chính đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quân đội cho các Tòa án quân sự.

(7) Bổ sung quy định về Tòa án điện tử để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và triển khai Tòa án điện tử trong hệ thống Tòa án nhân dân.

(8) Bổ sung quy định về nhiệm vụ của từng cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng:

- Cấp xét xử sơ thẩm có nhiệm vụ xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ để xác định tính có căn cứ của vụ án và áp dụng pháp luật.

- Cấp xét xử phúc thẩm có nhiệm vụ sửa sai đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc xác định sự thật, tính có căn cứ của vụ án hoặc áp dụng pháp luật.

- Giám đốc thẩm, tái thẩm có nhiệm vụ giải quyết vướng mắc về xác định sự thật và áp dụng pháp luật đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới; bảo vệ hoạt động xét xử và áp dụng thống nhất pháp luật.

(8) Về cơ chế giám sát hoạt động của Tòa án

Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ chế giám sát của cơ quan dân cử theo hướng quy định Nhân dân thực hiện quyền giám sát hoạt động của Tòa án thông qua việc tham gia xét xử tại Tòa án và thông qua việc công khai các hoạt động của Tòa án; góp ý kiến đối với hoạt động của Tòa án; việc giám sát của các cơ quan dân cử phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tòa án và độc lập tư pháp; Kết quả giám sát hoạt động của Tòa án phải được công khai để cử tri được biết.

2.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

- Thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW về “*bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử*”, “*Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm*”.

- Thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW về “*Tập trung rà soát, sắp xếp, kiên toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị... giải thể hoặc sắp xếp lại các tổ chức hoạt động không hiệu quả*”.

- Thực hiện nguyên tắc tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, khắc phục tình trạng Tòa án phụ thuộc đơn vị hành chính địa phương trong giải quyết án, nhất là án hành chính.

- Phát huy trình độ chuyên môn sâu trong xét xử, từ đó nâng cao chất lượng xét xử và niềm tin của công chúng về hiệu quả hoạt động của Tòa án.

- Làm rõ hơn tính chất, nhiệm vụ của cấp xét xử sơ thẩm, cấp xét xử phúc thẩm; thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Khắc phục tình trạng giám đốc thẩm, tái thẩm bị lạm dụng để trở thành cấp xét xử thứ ba.

3. Chính sách 3 - Sửa đổi, bổ sung về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

Phương án 1: Sửa đổi, bổ sung về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

3.1. Mục tiêu của chính sách

Hoàn thiện các quy định về việc tuyển chọn, giám sát Thẩm phán; tạo cơ chế thích hợp để thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng chiến lược phát triển của Tòa án; xây dựng chế độ, chính sách cho Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác nhằm thúc đẩy sự phát triển cũng như hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án; đảm bảo tính độc lập giữa Tòa án với các cơ quan lập pháp, hành pháp và độc lập giữa các Tòa án.

3.2. Nội dung của chính sách

Sửa đổi tên gọi của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia thành Hội đồng Tư pháp Quốc gia; bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoạch định chính sách, đề xuất biên chế; đề xuất ngân sách hàng năm cho Tòa án để báo cáo Quốc hội quyết định; giám sát việc thực hiện công tác quản trị nội bộ của Tòa án; thay đổi thành phần tham gia Hội đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động; giám sát công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Thẩm phán.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách

- Sửa đổi tên gọi “Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán Quốc gia” thành “Hội đồng Tư pháp Quốc gia”

- Bổ sung một số nhiệm vụ sau đây cho Hội đồng Tư pháp Quốc gia:

(1) Xây dựng chiến lược phát triển Tòa án nhân dân;

(2) Xây dựng chế độ, chính sách cho Thẩm phán Tòa án nhân dân và các chức danh tư pháp khác trong Tòa án;

(3) Xác định và đề xuất biên chế, kinh phí hàng năm cho các Tòa án báo cáo Quốc hội quyết định;

(4) Giám sát việc phân bổ biên chế, kinh phí, nguồn lực cho các Tòa án nhân dân;

(5) Giám sát việc khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán;

(6) Bảo vệ Thẩm phán.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần Hội đồng Tư pháp Quốc gia theo hướng: Chủ tịch nước là Chủ tịch Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo một số Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chủ tịch nước giữ chức từ Thứ trưởng và tương đương trở lên.

3.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

- Khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn về thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia, đảm bảo hoạt động của Hội đồng mang tính thực chất, hiệu quả, khách quan.

- Bảo đảm nguồn lực và các điều kiện bảo đảm cho các Tòa án hoạt động.

- Khen thưởng chính xác, kỷ luật nghiêm minh; đồng thời bảo vệ Thẩm phán, Hội thẩm; bảo đảm Thẩm phán hoạt động độc lập.

Phương án 2: Giữ nguyên quy định hiện hành về Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán Quốc gia.

4. Chính sách 4 - Hoàn thiện quy định về các chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân

4.1. Mục tiêu của chính sách

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tòa án, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án chuyên nghiệp, trí tuệ, bản lĩnh, tận tụy và công tâm; bảo đảm cơ cấu hợp lý các chức danh tư pháp; đề xuất chế độ chính sách đặc thù nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp tận tâm, cống hiến, gắn bó lâu dài với công việc, đồng thời thu hút được nguồn nhân lực chất

lượng cao vào công tác tại Tòa án; bảo vệ Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác khi thực thi nhiệm vụ, công vụ.

4.2. Nội dung của chính sách

Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện; cơ cấu ngạch, bậc, phân bổ các chức danh tư pháp và các chế độ chính sách đặc thù đối với từng chức danh tư pháp.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách

- Bổ sung quy định các chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân gồm: Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

(1) Về Thẩm phán

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ Thẩm phán theo hướng xác định Thẩm phán là người thực hiện nhiệm vụ xét xử và thực hiện quyền tư pháp của Tòa án, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của Luật.

Theo đó, Thẩm phán có nhiệm vụ, quyền hạn: thực hiện nhiệm vụ xét xử; tổng kết thực tiễn xét xử, áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; xây dựng và phát triển án lệ; quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân; xem xét, quyết định các văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của luật; thực hiện nhiệm vụ tham gia, phục vụ công tác xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm theo sự phân công của Chánh án Tòa án; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Chánh án Tòa án.

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo hướng gồm: thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán dự bị theo hướng: Thẩm phán dự bị thực hiện một số nhiệm vụ của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử dưới sự giám sát của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc; tham gia xét xử nhưng không được chủ tọa phiên tòa, phiên họp giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án.

- Sửa đổi quy định về ngạch, bậc Thẩm phán theo hướng: Thẩm phán Tòa án nhân dân bao gồm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán và Thẩm phán dự bị.

- Bổ sung quy định về bậc Thẩm phán theo hướng:

+ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có 02 bậc, trong đó: bậc 01 (khi được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao); bậc 02 (sau 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

+ Thẩm phán có 08 bậc, từ bậc 01 đến bậc 08.

+ Thẩm phán dự bị có 01 bậc.

- Bổ sung quy định về việc phân bổ Thẩm phán tại các cấp Tòa án phù hợp với yêu cầu của hoạt động xét xử, thực hiện quyền tư pháp theo hướng tại Tòa án

nhân dân tối cao có Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán; Tại các Tòa án khác có Thẩm phán và Thẩm phán dự bị.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo hướng bổ sung tiêu chuẩn về thâm niên công tác pháp luật và số lượng vụ việc đã tham gia giải quyết, xét xử.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn, bổ nhiệm các ngạch, bậc Thẩm phán.

- Bổ sung quy định về quyền miễn trừ của Thẩm phán; quy định về đảm bảo an toàn cho Thẩm phán và gia đình của họ; quy định về chính sách người có công đối với Thẩm phán bị tổn hại sức khỏe, tính mạng vì lý do thực hiện công vụ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ đối với Thẩm phán theo hướng xác định thang, bảng lương riêng đối với từng ngạch, bậc Thẩm phán.

(2) Về Thẩm tra viên

Sửa đổi, bổ sung quy định về ngạch, bậc Thẩm tra viên theo hướng chỉ quy định một ngạch Thẩm tra viên với bậc, mức lương, chế độ chính sách tương ứng với bậc, mức lương, chế độ chính sách của Thẩm phán để thuận tiện trong quá trình luân chuyển, điều động Thẩm phán sang làm Thẩm tra viên và ngược lại bổ nhiệm Thẩm tra viên làm Thẩm phán.

(3) Thư ký Tòa án

Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ đối với Thư ký Tòa án theo hướng quy định hệ thống lương và chính sách đối với Thư ký Tòa án do Nhà nước quy định phù hợp với đặc thù của công tác xét xử.

4.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

- Khắc phục khó khăn trong việc phân bổ biên chế, điều động, luân chuyển, biệt phái Thẩm phán giữa các cấp Tòa án, đặc biệt là việc luân chuyển Thẩm phán giàu kinh nghiệm xét xử, có trình độ chuyên môn cao đến làm việc tại các đơn vị Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao.

- Bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các Thẩm phán, các cấp Tòa án.

- Nâng cao chất lượng, uy tín nghề nghiệp của Thẩm phán đối với công chúng; Tăng cường thu hút nhân lực chất lượng cao cho Tòa án; khuyến khích các chức danh tư pháp chuyên tâm phấn đấu cho hoạt động xét xử để trở thành chuyên gia thực sự.

- Giúp cho Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác yên tâm công tác, hạn chế tình trạng thôi việc, trọng dụng những người có trình độ, tâm huyết với nghề.

- Cải cách các thủ tục liên quan đến bổ nhiệm, tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán.

5. Chính sách 5 - Bảo đảm nguồn lực để xây dựng Tòa án hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

5.1. Mục tiêu của chính sách

Bảo đảm đầy đủ, kịp thời nguồn lực để xây dựng Tòa án chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân,

bảo vệ công lý đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Nội dung của chính sách

Đổi mới cơ chế đề xuất và phê duyệt kinh phí hoạt động của Tòa án theo hướng Hội đồng Tư pháp quốc gia đề xuất dự toán ngân sách hằng năm của toàn hệ thống, trình Quốc hội xem xét quyết định.

5.3. Giải pháp thực hiện chính sách

- Sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng Thẩm phán, biên chế của Tòa án nhân dân theo hướng quy định số lượng Thẩm phán, biên chế của Tòa án nhân dân do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau khi có ý kiến của Hội đồng Tư pháp Quốc gia.

- Bổ sung quy định về nguyên tắc phân bổ số lượng Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án trên cơ sở vị trí việc làm; quy mô dân số, diện tích tự nhiên; quy mô phát triển kinh tế - xã hội; tình hình tranh chấp, vi phạm và tội phạm; chức năng, nhiệm vụ của Tòa án.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc phân bổ ngân sách cho Tòa án theo hướng Hội đồng Tư pháp Quốc gia có trách nhiệm đề xuất dự toán ngân sách hằng năm của toàn hệ thống, trình Quốc hội xem xét, thông qua. Hội đồng Tư pháp Quốc gia sẽ giám sát Tòa án nhân dân tối cao phân bổ kinh phí cho Tòa án các cấp.

- Bổ sung quy định về việc sử dụng nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác cho các Tòa án nhân dân.

5.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

- Bảo đảm nguồn lực về vật chất và nhân lực để Tòa án thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo đúng tinh thần cải cách tư pháp.

- Đảm bảo tính minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực của Tòa án.

- Tạo điều kiện thực hiện nhanh chóng, đúng mục đích, đúng đối tượng trong việc quyết định, phân bổ, sử dụng các nguồn ngân sách cho Tòa án.

- Huy động được một phần kinh phí bổ sung từ ngân sách địa phương cho hoạt động của Tòa án.

6. Chính sách 6 - Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án

6.1. Mục tiêu của chính sách

- Tăng cường một cách thực chất sự tham gia của nhân dân trong xét xử, khắc phục những hạn chế, bất cập hiện có.

6.2. Nội dung của chính sách

Phương án 1: Giữ nguyên chương Hội thẩm nhân dân trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân nhưng có sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm của các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

Phương án 2: Tách chế định Hội thẩm ra để xây dựng thành một luật riêng với nội dung đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án hiện hành.

6.3. Giải pháp thực hiện chính sách

Phương án 1:

Bổ sung tiêu chuẩn Hội thẩm tham gia xét xử tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt theo hướng phải là các chuyên gia, có kiến thức chuyên môn cao, kinh nghiệm công tác từ 05 năm trở lên trong các lĩnh vực về kinh tế, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ để tham gia xét xử các vụ án thuộc lĩnh vực đặc thù tương ứng.

Bổ sung quy định về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm tham gia xét xử tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

Phương án 2:

Xây dựng Luật Hội thẩm trên cơ sở pháp điển các quy định về Hội thẩm trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan còn phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về Bồi thẩm đoàn, Hội thẩm..., bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

6.4. Lý do lựa chọn giải pháp của chính sách

Phương án 1:

Đảm bảo có Hội thẩm tham gia xét xử tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt khi các Tòa án này được thành lập và đi vào hoạt động trong thực tiễn.

Phương án 2:

- Thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng về “*Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại tòa án*” được đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022.

- Khắc phục tình trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Hội thẩm còn tản mạn, chưa đầy đủ, một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn;

- Khắc phục quan niệm Hội thẩm là một chức danh tư pháp thuộc cơ cấu nhân sự của Tòa án và do Tòa án quản lý.

- Nâng cao chất lượng tham gia xét xử của Hội thẩm.

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với Hội thẩm.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sau khi dự án Luật được thông qua, Nhà nước cần bố trí nguồn nhân lực và một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện, cụ thể là:

1. Về nguồn nhân lực

Trước mắt, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành để tổ chức triển khai thi hành Luật. Nhân sự tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt sẽ được điều động từ các đơn vị trong hệ thống Tòa án nhân dân. Trong quá thời gian tới, căn cứ số lượng vụ việc phải giải quyết của các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt sẽ bổ sung nhân sự cho các Tòa án này. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh tư pháp công tác tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt; đồng thời, thực hiện việc bầu, cử Hội thẩm để tham gia xét xử tại các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

2. Về nguồn lực tài chính

Dự kiến phát sinh kinh phí để thành lập các Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt; kinh phí thực hiện các chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ cho các chức danh tư pháp; kinh phí thực hiện việc đổi tên các Tòa án nhân dân sơ thẩm, Tòa án nhân dân phúc thẩm.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

Dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp tháng 10 năm 2023, thông qua tại kỳ họp tháng 5 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; (2) Đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; (3) Tổng hợp ý kiến và chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, bộ ngành; (4) Dự thảo đề cương Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban chỉ đạo CCTP TW;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Nội vụ;
- Trung ương Hội Luật gia Việt Nam;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH).

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình